TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/DS-PT
Ngày: 01-3-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lưu Ánh Nguyệt**

Các Thẩm phán: Bà **Phạm Thị Hồng Vân**

Bà **Nguyễn Thị Thúy Phượng**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Hồ Thị Bảo Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh***: Ông **Trần Văn Sự** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 01 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2018/TLPT-DS ngày 30-01-2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 63/2017/DS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 27/2018/QĐPT-DS ngày 05 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Tổ 02, Khu phố H, thị trấn D, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn Văn C: Luật sư **Lê Xuân B** - Văn phòng Luật sư Lê Xuân B, thuộc đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh ; địa chỉ: Số 255, đường N, khu phố B, Thị trấn D, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1978;
2. Bà **Lê Thị Hàn S**, sinh năm 1978;
3. Chị **Nguyễn Sinh V**, sinh năm 1996;

Cùng địa chỉ: Số 25, Tổ 01, ấp P, xã S, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

4. Anh **Nguyễn Duy T**, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Số 25, Tổ 01, ấp P, xã S, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của ông D, bà S, chị V, anh T: Anh **Nguyễn Duy H**, sinh năm 1987, địa chỉ tại Tổ 2, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 21-12-2017).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn D, bà Lê Thị Hàn S.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 9 năm 2017 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày như sau:

Ngày 04-6-2015 có cho ông D, bà S, chị V và anh T vay số tiền 370.000.000 đồng. Khi vay 2 bên có làm Hợp đồng vay (có công chứng), thời gian vay là 02 năm (04-6-2015 đến 04-6-2017), lãi suất theo thời hạn vay 02 năm của Ngân hàng N Huyện D và có biện pháp bảo đảm gồm 04 người (ông D, bà S, chị V và anh T) ký tên thế chấp tài sản là quyền sử dụng 02 phần đất cụ thể:

+ Phần đất diện tích 2600 m^2 loại đất LN, thuộc thửa 1485, tờ bản đồ số 03, GCNQSDĐ số 02804 QSDĐ/334/2000/HĐ-CN (H) cấp ngày 07-02-2001;

+ Phần đất diện tích 1012 m^2 (trong đó đất ở ONT 100m^2; CLN 912 m^2) thuộc thửa 1568, tờ bản đồ số 03, GCNQSDĐ số H02080 cấp ngày 17-4-2016;

Cả hai phần đất trên đều tọa lạc tại xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh và đều do ông D đứng tên.

Hai bên thỏa thuận miệng là lãi suất 0,7% nếu 02 năm ông D, bà S, chị V và anh T không trả tiền được thì sang tên cho anh diện tích đất ngang mặt tiền 06m, ngang mặt hậu 31m, dài 82m.

Đến hẹn ông D, bà S, chị V và anh T không trả gốc lãi theo hợp đồng vay, việc tách bộ sang tên đất cũng không thống nhất được, nay anh yêu cầu ông D, bà S, chị V và anh T trả cho anh số tiền gốc là 370.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 04-6-2015 đến 04-9-2017 là 27 tháng x 0,7%/tháng = 69.930.000 đồng, tổng cộng gốc, lãi là: 439.930.000 (bốn trăm ba mươi chín triệu chín trăm ba mươi nghìn) đồng, không yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 05-9-2017 đến ngày 21-12-2017 (ngày xét xử sơ thẩm). Anh không đồng ý nhận đất.

Ngoài số nợ này ra thì ông D, bà S, chị V và anh T không còn nợ anh khoản nợ nào nữa cả.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D, bà Lê Thị Hàn S, chị Nguyễn Sinh V, anh Nguyễn Duy T trình bày:

Ông D, bà S, chị V và anh T thừa nhận có vay của anh C số tiền 370.000.000 đồng, có làm Hợp đồng vay tiền có biện pháp bảo đảm có công chứng đúng như anh C trình bày và hai bên thỏa thuận miệng là nếu 02 năm ông D, bà S, chị V và anh T không trả tiền được thì sang tên cho anh C diện tích đất ngang trước 06m, ngang sau 31m, dài 82m (tài sản thế chấp theo hợp đồng vay).

Nay ông D, bà S, chị V và anh T không có tiền trả nên đồng ý giao đất cho anh C.

Ngoài số nợ này ra thì ông D, bà S, chị V và anh T không còn nợ anh C khoản nợ nào nữa cả.

Tại bản án sơ thẩm số 63/2017/DS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ vào các Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điểm c Khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C đối với ông Nguyễn Văn D, bà Lê Thị Hàn S, chị Nguyễn Sinh V và anh Nguyễn Duy T về việc *"Tranh hợp đồng vay tài sản"*.

Buộc ông Nguyễn Văn D, bà Lê Thị Hàn S, chị Nguyễn Sinh V và anh Nguyễn Duy T có trách nhiệm liên đới trả cho anh Nguyễn Văn C số tiền: 439.930.000 (bốn trăm ba mươi chín triệu chín trăm ba mươi nghìn) đồng.

Anh Nguyễn Văn C có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Văn D, bà Lê Thị Hàn S, chị Nguyễn Sinh V và anh Nguyễn Duy T 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) của 02 phần đất có diện tích: 2.600 m^2 loại đất LN, thuộc thửa 1485, tờ bản đồ số 03, GCNQSDĐ số 02804 QSDĐ/334/2000/HĐ-CN (H) cấp ngày 07-02-2001 và 1.012 m^2 (trong đó đất ở ONT 100m^2, CLN 912 m^2) thuộc thửa 1568, tờ bản đồ số 03, GCNQSDĐ số H02080 cấp ngày 17-4-2016 do ông D đứng tên theo hợp đồng vay đề ngày 04/6/2015.

Ghi nhận anh C không yêu cầu tính lãi suất từ ngày 05-9-2017 đến ngày 21-12-2017 (ngày xét xử sơ thẩm).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25-12-2017, ông Nguyễn Văn D, bà Lê Thị Hàn S kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C, ông D, bà S đồng ý thực hiện thủ tục sang tên 02 phần đất đã thế chấp cho anh C như thỏa thuận của hai bên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn D, bà Lê Thị Hàn S, anh Nguyễn Duy H là người đại diện theo ủy quyền của ông D, bà S, chị V, anh T thỏa thuận đồng ý theo hướng ông D, bà S, anh T, chị V có trách nhiệm liên đới trả cho anh Nguyễn Văn C số tiền nợ gốc và nợ lãi tổng cộng là 430.000.000 đồng, yêu cầu anh C giảm bớt số tiền lãi là 9.930.000 đồng (theo quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên số tiền phải trả tổng cộng là 439.930.000 đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Văn C tự nguyện đồng ý giảm cho ông D, bà S, chị V, anh T số tiền lãi là 9.930.000 đồng, chỉ yêu cầu ông D, bà S, chị V, anh T trả cho anh số tiền nợ gốc và nợ lãi tổng cộng là 430.000.000 đồng như thỏa thuận của phía bị đơn.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của anh C – Luật sư Lê Xuân B trình bày: Sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự là không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm và sửa bản án sơ thẩm theo hướng thỏa thuận nêu trên của các đương sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, ý kiến của Luật sư Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông D, bà S đều thừa nhận có vay của anh Nguyễn Văn C số tiền 370.000.000 đồng, thời hạn vay 02 năm, lãi suất theo lãi suất trung bình của Ngân hàng Nông nghiệp là 0,7%/tháng, ông D, bà S có thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh C. Như vậy, hợp đồng vay tài sản ngày 04-6-2015 được ký kết giữa anh C và ông D, bà S, chị V, anh T là có thật. Anh C khởi kiện yêu cầu ông D, bà S, chị V, anh T trả số tiền

nợ gốc là 370.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 04-9-2017 là 69.930.000 đồng, tổng cộng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 439.930.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông D, bà S, chị V, anh T có nghĩa vụ liên đới trả cho anh C số tiền tổng cộng là 439.930.000 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 370.000.000 đồng và tiền nợ là 69.930.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn D, bà Lê Thị Hàn S, anh Nguyễn Duy H là người đại diện theo ủy quyền của ông D, bà S, chị V, anh T tự nguyện thỏa thuận, thống nhất với anh Nguyễn Văn C về việc giải quyết vụ án như sau: ông Nguyễn Văn D, bà Lê Thị Hàn S, chị Nguyễn Sinh V, anh Nguyễn Duy T có trách nhiệm liên đới trả cho anh Nguyễn Văn C số tiền gốc và lãi tổng cộng là 430.000.000 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 370.000.000 đồng và nợ lãi là 60.000.000 đồng.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và sửa bản án sơ thẩm theo thỏa thuận trên.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên cần tính lại tiền án phí dân sự sơ thẩm như sau:

Ông D, bà S, chị V, anh T có trách nhiệm liên đới trả cho anh C số tiền 430.000.000 đồng nên ông D, bà S, chị V, anh T phải liên đới chịu số tiền án phí là 20.000.000 đồng + (430.000.000 đồng – 400.000.000 đồng) x 4% = 21.200.000 đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên ông D, bà S không phải chịu tiền án phí dân sự phúc theo Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300; khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điểm c Khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn D, bà Lê Thị Hàn S và người đại diện theo ủy quyền của ông D, bà S, chị V, anh T tại phiên tòa phúc thẩm.

Sửa bản án sơ thẩm.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C đối với ông Nguyễn Văn D, bà Lê Thị Hàn S, chị Nguyễn Sinh V và anh Nguyễn Duy T về việc *"Tranh hợp đồng vay tài sản"*.

Buộc ông Nguyễn Văn D, bà Lê Thị Hàn S, chị Nguyễn Sinh V và anh Nguyễn Duy T có trách nhiệm liên đới trả cho anh Nguyễn Văn C số tiền: 430.000.000 (Bốn trăm ba mươi triệu) đồng.

Anh Nguyễn Văn C có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Văn D, bà Lê Thị Hàn S, chị Nguyễn Sinh V và anh Nguyễn Duy T 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) của 02 phần đất có diện tích: 2.600 m^2 loại đất LN, thuộc thửa 1485, tờ bản đồ số 03, GCNQSDĐ số 02804 QSDĐ/334/2000/HĐ-CN (H) cấp ngày 07/02/2001 và 1.012 m^2 (trong đó đất ở ONT 100m^2, CLN 912 m^2) thuộc thửa 1568, tờ bản đồ số 03, GCNQSDĐ số H02080 cấp ngày 17/4/2016 do ông D đứng tên theo hợp đồng vay đề ngày 04/6/2015.

Ghi nhận anh C không yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 05/9/2017 đến ngày 21/12/2017 (ngày xét xử sơ thẩm).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông D, bà S, chị V và anh T phải liên đới chịu số tiền là: 21.200.000 (Hai mươi mốt triệu hai trăm nghìn) đồng.

Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho anh C 10.798.600 (mười triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm) đồng tiền tạm ứng án phí mà anh C đã nộp theo biên lai thu số 0015675 ngày 25-9-2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện D, tỉnh tây Ninh.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn D, bà Lê Thị Hàn S không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông D, bà S số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0010049 ngày 25-12-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TANDCC;*
- *VKSND tỉnh Tây Ninh;*
- *TAND huyện;*
- *CCTHADS huyện;*
- *Các đương sự;*
- *Phòng KTNV;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu tập án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Ánh Nguyệt